

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sáu;
2. Ông Lý Văn Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 316/2022/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Phạm Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện Đ ký kết hôn tháng 4 năm 2016 tại UBND xã Tân An, huyện C. Sau khi kết hôn chị T và anh H chung sống tại thôn T1, xã T2, huyện C. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T và anh H không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng ít quan tâm đến

nhau nên tình cảm dành cho nhau không còn. Chị T và anh H sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Khi mâu thuẫn xảy ra chị T không báo cho hai bên gia đình biết, cũng không nhờ tổ hòa giải của thôn hòa giải giúp. Chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh H, Chị T xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị T và anh H có một con chung là Phạm Ngọc Hải Đ, sinh ngày 22/11/2016. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Hà Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện Đ ký kết hôn tháng 4 năm 2016 tại UBND xã T3, huyện C. Trước khi kết hôn anh H và chị T thuê phòng trọ tại thành phố Tuyên Quang sinh sống. Sau khi kết hôn anh H và chị T sống tại thôn T1, xã T2, huyện C. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H đi làm cơ khí, thường đi làm công trình xa nhà nên ít có sự quan tâm, chia sẻ với nhau nên chị T cho rằng anh H không quan tâm đến chị T, không dành thời gian cho gia đình dẫn đến vợ chồng dần trở nên lạnh nhạt với nhau. Khi nhận thấy tình cảm vợ chồng phai nhạt dần anh H đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng chị T cương quyết xin ly hôn với anh H. Anh H, chị T sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Chị T xin ly hôn anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng với chị T vẫn còn và có nguyện vọng đoàn tụ với chị T, anh H không nhất trí ly hôn. Tại phiên hòa giải lần thứ hai anh H thay đổi ý kiến, anh H nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị T nếu cứ tiếp tục như vậy sẽ không hạnh phúc, anh H nhất trí ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh H, chị T có một con chung là Phạm Ngọc Hải Đ, sinh ngày 22/11/2016. Khi ly hôn anh H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Hà Thị T giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với anh Phạm Văn H; về con chung: Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Hải Đ và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với chị Hà Thị T; về con chung anh H không có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Hải Đ và không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung anh H xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Hà Thị T, cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Xét mức thu nhập của chị T, anh H và các điều kiện về nơi ở, nơi làm việc của chị T, anh H và để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Hải Đ, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Phạm Ngọc Hải Đ, sinh ngày 22/11/2016 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Hà Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Văn H; anh Phạm Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn T1, xã T2, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tố tụng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T, anh Phạm Văn H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có Đ ký kết hôn vào ngày 14/4/2016 tại UBND xã T3n, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại thôn T1, xã T2, huyện C cho thấy: Cách đây khoảng hai năm thôn có nghe dư luận về việc anh Phạm Văn H, chị Hà Thị T có mâu

thuần, anh H và chị Hà Thị T Đ ký hộ khẩu thường trú tại thôn T1, xã T2 nhưng không thường xuyên sinh sống tại thôn và cũng không báo đến tổ hòa giải của thôn để hòa giải nên đại diện thôn không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H. Đến khoảng thời gian tháng 3 năm 2023 đại diện thôn có nghe bố đẻ anh H nói về việc chị T xin ly hôn với anh H do tính cách không hợp nhau, ngoài ra thôn không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn nào khác.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình chung sống giữa chị T và anh H đã xảy ra mâu thuẫn khiến hôn nhân giữa chị T, anh H không còn hạnh phúc, từ khoảng năm 2018 chị T, anh H đã sống ly thân với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Phạm Văn H và chị Hà Thị T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T, cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn H.

[2.2] Về con chung: Chị Hà Thị T và anh Phạm Văn H có 01 con chung là Phạm Ngọc Hải Đ, sinh ngày 22/11/2016. Quá trình giải quyết chị T, anh H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa anh H nhất trí cho chị T trực tiếp nuôi cháu Đ anh H không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Xét thấy nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xem xét các điều kiện nuôi dưỡng con của chị T, anh H thấy rằng:

Anh Phạm Văn H trình bày hiện đang làm tại Nhà máy gang thép Tuyên Quang tại khu vực cảng An Hòa, với mức lương cơ bản 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng một tháng) chưa tính làm tăng ca nhưng anh H không cung cấp được bảng lương xác nhận về nơi làm việc và mức thu nhập cho Tòa án.

Chị Hà Thị T trình bày chị đang mở quán kinh doanh dịch vụ ăn uống, có Đ ký kinh doanh tại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 15A 0 11825 ngày 18/5/2022 và có thuê nhà của bà Nguyễn Thị Nguyệt, địa chỉ số nhà 02, ngõ 345, đường Trường Chinh, tổ dân phố 2, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang để kinh doanh dịch vụ lưu trú (bà Nguyệt đăng ký kinh doanh dịch vụ lưu trú tại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 15A8 0 11992), tổng thu nhập một tháng khoảng 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) (*chị T không cung cấp được chứng cứ chứng minh nguồn thu nhập này*). Chị T làm việc và sinh sống luôn tại cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú cùng với cháu Phạm Ngọc Hải Đ. Cháu Phạm Ngọc Hải Đ hiện đang học lớp 1B, trường tiểu học H1, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Xét thấy cháu Phạm Ngọc Hải Đ còn nhỏ, cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ, để đảm bảo cho sự phát triển cả về thể chất và tinh thần và thuận tiện cho việc học tập của cháu Phạm Ngọc Hải Đ, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Ngọc Hải Đ, sinh ngày 22/11/2016 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hà Thị T và anh Phạm Văn H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị T không đề nghị hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện C về việc giao cháu Phạm Ngọc H Đ, sinh ngày 22/11/2016 cho chị Hà Thị T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tòa án sẽ xem xét hủy bỏ Quyết định trên khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc khi chị Hà Thị T có yêu cầu.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 143, 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*. Chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Hà Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Phạm Ngọc Hải Đ, sinh ngày 22/11/2016 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Phạm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sau ly hôn, anh Phạm Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006063, ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh Phạm Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị T và anh Phạm Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã T3 (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

